TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 240/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 04/10/2018.
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phùng Thành.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Đình Nguyện.
2. Ông Phan Thành Tài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hải Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 57/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2018, về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2018/QĐXX-ST ngày 18 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Xuân L, sinh năm: 1985
- Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc C, sinh năm: 1980
Cùng trú tại: Tổ 3, thôn Đ, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.
Chị L có mặt, anh C đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Xuân L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Ngọc C tự nguyện tìm hiểu và đến với nhau thành vợ chồng, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T vào năm 2005. Sau khi cưới nhau vợ chồng chị sống hạnh phúc thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chồng chị thường xuyên đánh đập vợ con, ăn chơi, cờ bạc không lo cho gia đình. Chị L đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng chồng chị vẫn không thay đổi tính tình. Nay chị L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa, cuộc sống hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc C.

- Về con chung: Chị L khai vợ chồng chị có 02 con chung tên là:

1. Nguyễn Thanh N, sinh ngày: 18/9/2004.

2. Nguyễn Thị Thanh M, sinh ngày: 25/12/2006.

Nguyện vọng của chị L nếu ly hôn chị xin được nuôi hai cháu N và M. Chị L yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi 02 con chung cùng chị theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: Chị L khai vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Chị L khai vợ chồng không nợ ai.

* Bị đơn anh Nguyễn Ngọc C không đến Tòa án, không có bản tự khai, không có lời trình bày tại các phiên hòa giải. Tòa án đã niêm yết, tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, Hội đồng xét xử, các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, trình tự thu thập chứng cứ là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử giao hai cháu N và M cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với tình hình thực tế và không làm thay đổi, ảnh hưởng môi trường sống của các cháu. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về cấp dưỡng nuôi con, anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ lời trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam;

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án có bị đơn anh Nguyễn Ngọc C cư trú tại huyện T, tỉnh Quảng Nam. Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Nguyễn Ngọc C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Các văn bản đã tống đạt đến người nhà của bị đơn, niêm yết tại nhà bị đơn và tại UBND xã B, huyện T nơi bị đơn cư trú. Nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do tại các buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Xuân L và anh Nguyễn Ngọc C là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 16, quyển số 01/2005 do Uỷ ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam

cấp ngày 09/5/2005. Sau khi kết hôn, chị L xác định vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C không lo lắng cho gia đình, chơi bời cờ bạc, về nhà đánh đập vợ con. Chị L đã cố gắng chịu đựng và khuyên ngăn nhưng anh C vẫn không thay đổi. Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án muốn tiến hành hòa giải cho các bên đoàn tụ chung sống, làm ăn nuôi con. Nhưng anh C không đến tòa án để hòa giải. Hội đồng xét xử thấy các bên đương sự không thật sự mong muốn sống bên nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu có kéo dài thì cuộc sống hôn nhân cũng không có, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Xuân L xin được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc C.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị L anh C có 02 con chung tên là: Nguyễn Thanh N, sinh ngày: 18/9/2004 và Nguyễn Thị Thanh M, sinh ngày: 25/12/2006. Nguyện vọng của chị L nếu ly hôn xin được nuôi cả hai cháu N và M. Chị L yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng chị theo quy định pháp luật. Do bị đơn anh Nguyễn Ngọc C vắng mặt nên không thể biết nguyện vọng của anh C có muốn nuôi con hay không. Chị L có nghề nghiệp, thu nhập ổn định và là phụ nữ nên chăm sóc con tốt hơn. Theo đề nghị của Kiểm sát viên và cuộc sống hiện tại của các cháu. Hội đồng xét xử giao hai cháu Nguyễn Thanh N, sinh ngày: 18/9/2004 và Nguyễn Thị Thanh M, sinh ngày: 25/12/2006 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với tình hình thực tế, phù hợp với nguyện vọng các cháu và phù hợp với quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Toà án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi hai con chung theo quy định pháp luật. Xét thấy chị L yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung là đúng. Ngoài ra trong quá trình giải quyết vụ án, anh C cố tình lẫn tránh không đến Tòa án nên Tòa án cũng không có căn cứ để chứng minh thu nhập cũng như ý kiến của anh C. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L buộc anh Nguyễn Ngọc C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng chị L mỗi cháu mỗi tháng 700.000 (Bảy trăm ngàn) đồng (Tương ứng với mức lương tối thiểu theo quy định của Chính phủ tại thời điểm xét xử là: 1.390.000đồng/1 tháng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10 năm 2018 cho đến khi các cháu N , M đủ 18 tuổi, trưởng thành.

[5] Về tài sản chung: Chị L khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung và cho mượn nợ: Chị L khai vợ chồng không có nợ ai và không cho ai mượn nợ, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Xuân L phải chịu số tiền: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được tính trừ vào số tiền: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lại thu số 0020604 ngày 12/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng

Nam. Anh Nguyễn Ngọc C phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con chung. Theo quy định tại các Điều 146; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sư; Điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn , giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

[8] Các bên đương có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[9] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 2; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Lê Thị Xuân L. Chị Lê Thị Xuân L được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc C.

2. Về nuôi con chung:

2.1.Giao các cháu Nguyễn Thanh N, sinh ngày: 18/9/2004 và Nguyễn Thị Thanh M, sinh ngày: 25/12/2006 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Toà án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung

2.2. Buộc anh Nguyễn Ngọc C phải cấp dưỡng nuôi các con chung là các cháu Nguyễn Thanh N, sinh ngày: 18/9/2004 và Nguyễn Thị Thanh M, sinh ngày: 25/12/2006 cùng chị L mỗi cháu mỗi tháng 700.000 (Bảy trăm ngàn) đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10 năm 2018 cho đến khi các cháu N và M đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị L có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nêu trên, nếu anh C không chịu thi hành thì hàng tháng anh C còn phải chịu trả lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về tài sản chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung và cho mượn nợ: Chị L khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Xuân L phải chịu số tiền: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được tính trừ vào số tiền: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lại thu số 0020604 ngày 12/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Anh Nguyễn Ngọc C phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con chung.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND – VKSND tỉnh Quảng Nam;*
- *VKSND huyện T;*
- *Chi cục THA.DS huyện T;*
- *UBND xã B;*
- *Các bên đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, lưu án văn;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký tên và đóng dấu)

Đặng Phùng Thành